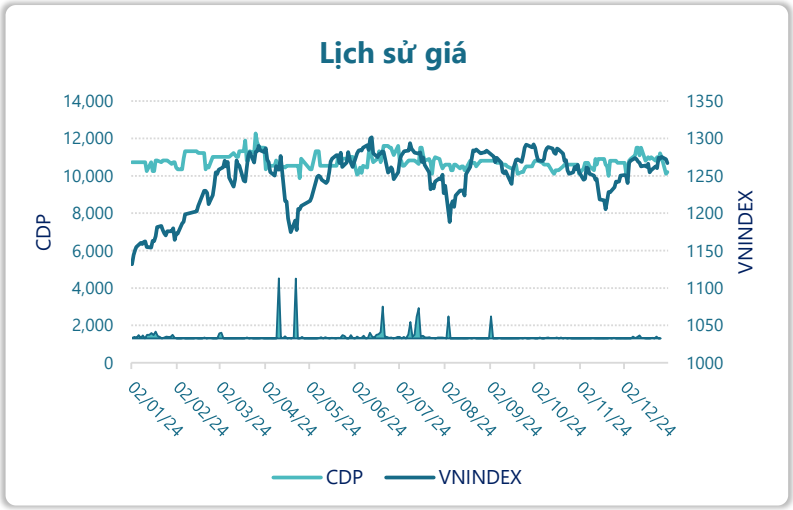
FireAnt

CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha (UPCOM: CDP)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,267
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,871
SL cổ phiếu LH	18,208,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,670
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	186
P/E	9.7
EPS	1,050

DT thuần

Q4/24

973

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 306| 45.9%

YoY: ▼62.0| -6.0%

LN sau thuế

Q4/24

2.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.12| -51.8%

YoY: ▲ 1.21| 71.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.1%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2024

3,209

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 145| 4.7%

LN sau thuế

2024

19.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.91| 108%

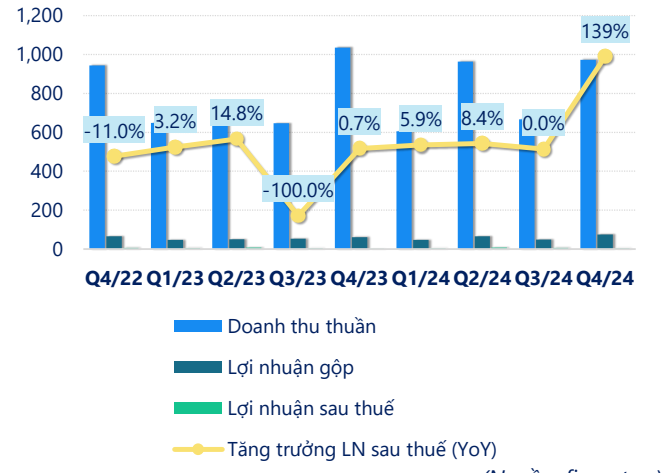
ROE

2024

9.1%

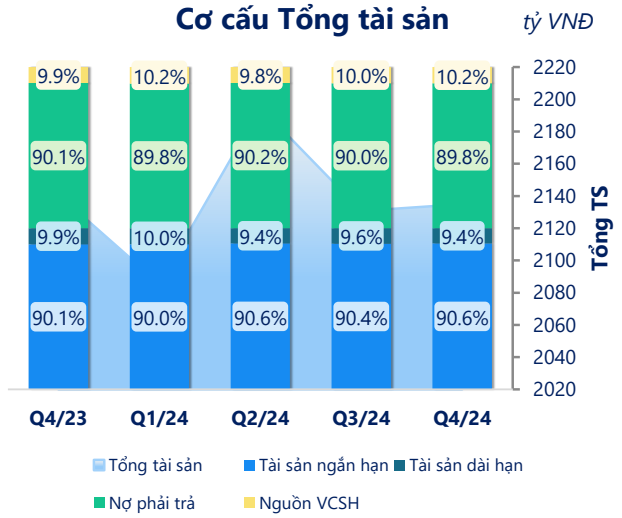
+/- YoY: ▲ 4.5%

Kết quả kinh doanh



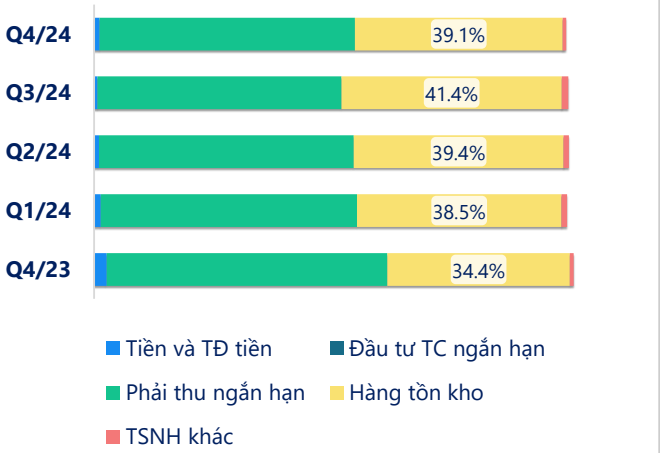
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



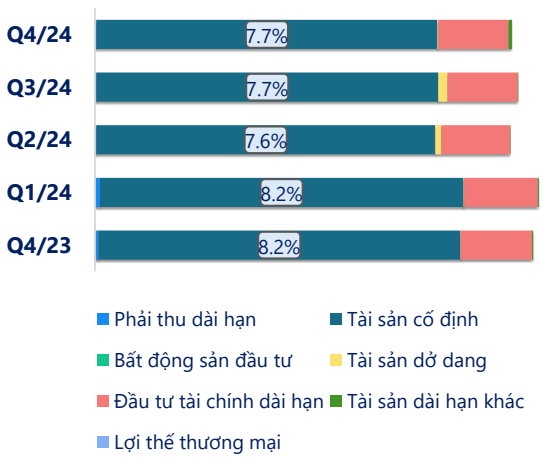
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



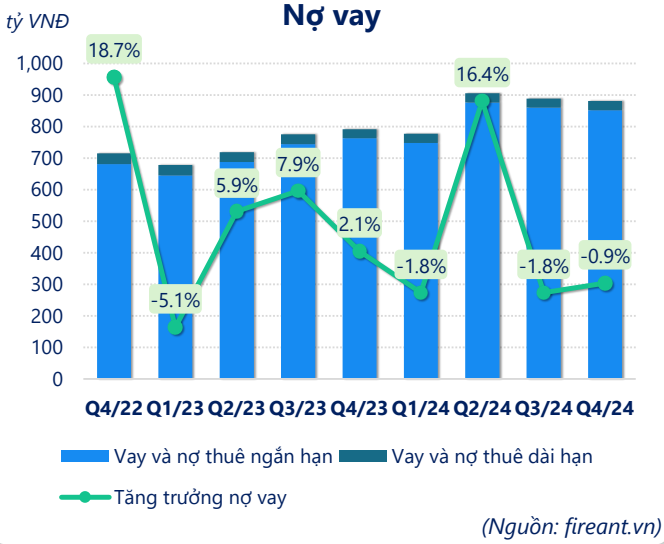
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



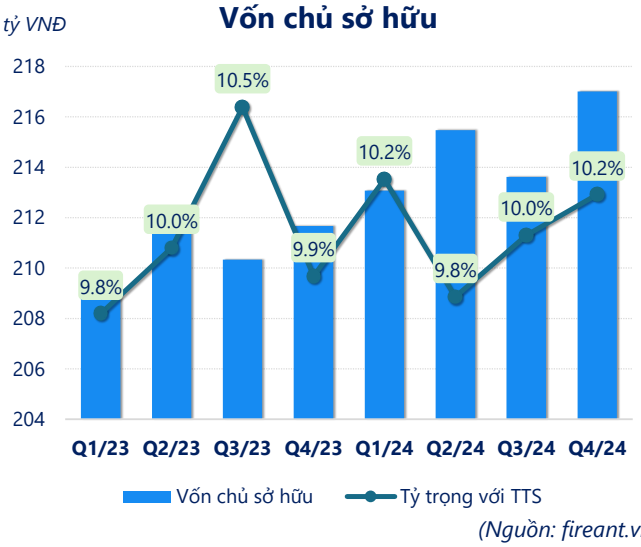
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



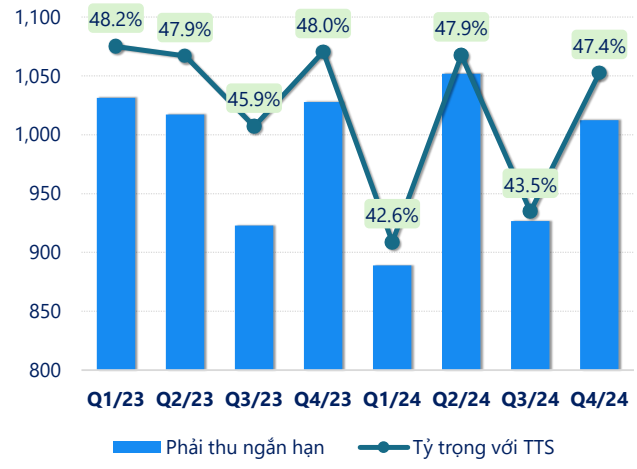
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



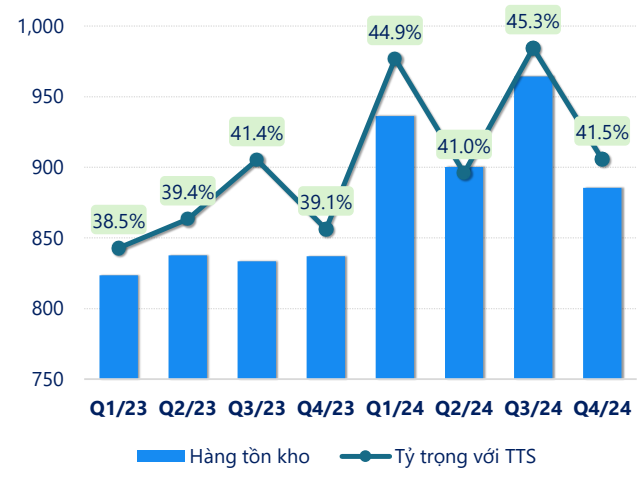
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



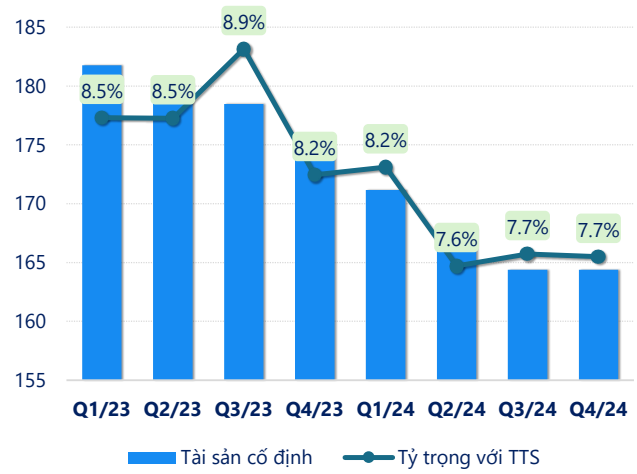
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



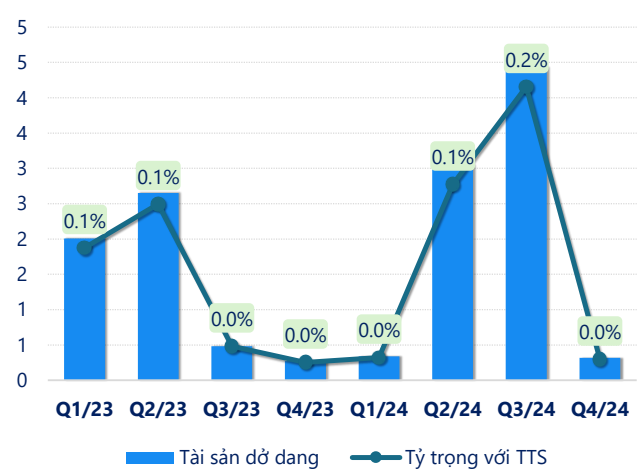
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



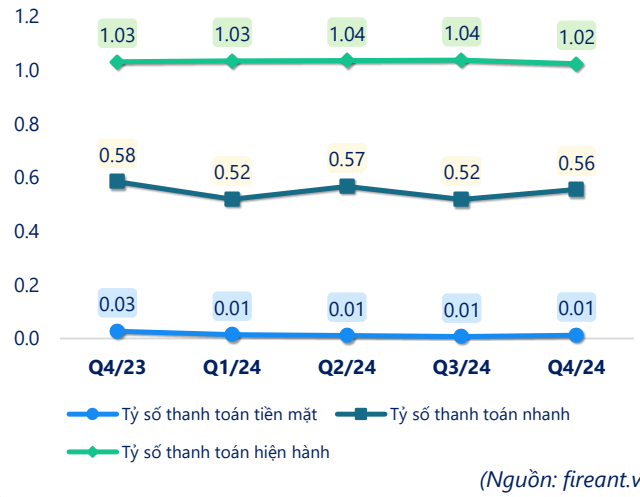
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



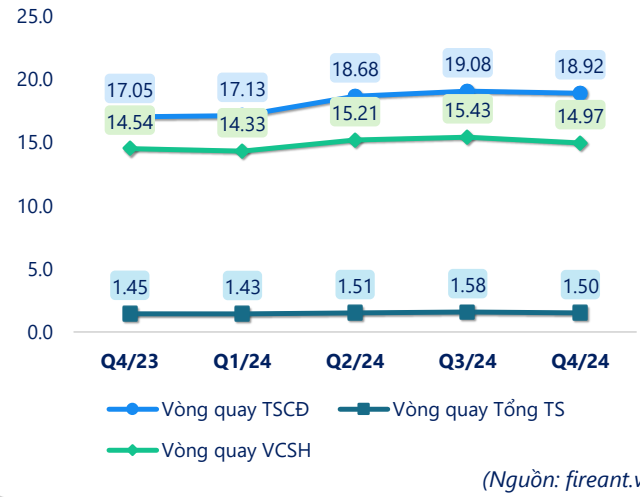
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**2,141**	**2,086**	**2,195**	**2,131**	**2,135**
Tài sản ngắn hạn	**1,929**	**1,877**	**1,989**	**1,927**	**1,934**
Tiền và tương đương tiền	50.5	26.6	20.7	13.6	22.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,028	889	1,052	927	1,012
Hàng tồn kho	837	936	900	964	885
Tài sản ngắn hạn khác	13.8	25.0	16.3	22.7	14.1
Tài sản dài hạn	**212**	**209**	**206**	**204**	**201**
Phải thu dài hạn	1.66	2.26	0.65	0.65	0.65
Tài sản cố định	175	171	168	164	164
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.27	0.34	3.04	4.43	0.32
Đầu tư tài chính dài hạn	34.5	34.6	34.0	33.8	33.9
Tài sản dài hạn khác	0.58	0.53	0.35	0.29	1.76
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,929**	**1,873**	**1,980**	**1,917**	**1,918**
Nợ ngắn hạn	**1,870**	**1,813**	**1,920**	**1,858**	**1,889**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	763	748	876	860	852
Phải trả người bán ngắn hạn	1,052	1,023	1,006	969	996
Nợ dài hạn	59.2	59.2	59.2	59.2	29.2
Vay và nợ thuê dài hạn	29.0	29.0	29.0	29.0	29.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**212**	**213**	**215**	**214**	**217**
Vốn chủ sở hữu	**212**	**213**	**215**	**214**	**217**
Vốn điều lệ	183	183	183	183	183
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)